BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 460 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Thông tư số 42/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1985/QĐ-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được phân loại theo các mã HS 7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.19, 7208.27.99, 7208.36.00, 7208.37.00, 7208.38.00, 7208.39.20, 7208.39.40, 7208.39.90, 7208.51.00, 7208.52.00, 7208.53.00, 7208.54.90, 7208.90.90, 7211.14.15, 7211.14.16, 7211.14.19, 7211.19.13, 7211.19.19, 7211.90.12, 7211.90.19, 7225.30.90, 7225.40.90, 7225.99.90, 7226.91.10, 7226.91.90 (mã vụ việc: AD20) với nội dung chi tiết nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Không áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ được phân loại theo các mã HS 7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.19, 7208.27.99, 7208.36.00, 7208.37.00, 7208.38.00, 7208.39.20, 7208.39.40, 7208.39.90, 7208.51.00, 7208.52.00, 7208.53.00, 7208.54.90, 7208.90.90, 7211.14.15, 7211.14.16, 7211.14.19, 7211.19.13, 7211.19.19, 7211.90.12, 7211.90.19, 7225.30.90, 7225.40.90, 7225.99.90, 7226.91.10, 7226.91.90 theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan;
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, KHCN, PC;
- Văn phòng BCĐLNHNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (05).

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

(Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-BCT ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) tạm thời là sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) có các đặc tính cơ bản và phân loại theo các mã HS như sau:

a) Đặc tính cơ bản

Hàng hóa là một số sản phẩm sắt hoặc thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng; được cán nóng; độ dày từ 1,2 mm đến 25,4 mm; chiều rộng không quá 1.880 mm; chưa được gia công quá mức cán nóng; đã tẩy gỉ hoặc không tẩy gỉ; không dát phủ, phủ, mạ hoặc tráng; có phủ dầu hoặc không phủ dầu; hàm lượng carbon nhỏ hơn hoặc bằng 0,30% tính theo khối lượng.

Các sản phẩm là thép không gỉ không thuộc phạm vi áp dụng thuế CBPG tạm thời.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS)

Sản phẩm thép cán nóng bị áp dụng thuế CBPG tạm thời được phân loại theo các mã HS 7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.19, 7208.27.99, 7208.36.00, 7208.37.00, 7208.38.00, 7208.39.20, 7208.39.40, 7208.39.90, 7208.51.00, 7208.52.00, 7208.53.00, 7208.54.90, 7208.90.90, 7211.14.15, 7211.14.16, 7211.14.19, 7211.19.13, 7211.19.19, 7211.90.12, 7211.90.19, 7225.30.90, 7225.40.90, 7225.99.90, 7226.91.10, 7226.91.90.

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG tạm thời để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

2. Mức thuế CBPG tạm thời

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
ẤN ĐỘ			
1	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Ấn Độ		Không áp dụng do thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14
TRUNG QUỐC			
2	Hebei Anfeng Iron & Steel Group Co., Ltd	- Hangzhou CIEC Group Co., Ltd - Hangzhou CIEC Hanjia Trading Co., Ltd - Zhe Jiang Cogeneration Zhongbang Suppy Chain Service Co., Ltd. - Hangzhou CIEC Lianfeng Trading Co., Ltd - Hainan CIEC Trading Co., Ltd - Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Co., Ltd - Singapore (Cogeneration) Steel Pte Ltd - Honors Commodity Hong Kong Company Limited - Anfeng Iron & Steel International Trading Co., Ltd	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
3	Inner Mongolia Baotou Steel Union Co., Ltd Rare Earth Steel Plate Co., Ltd	- Bao Tou Steel International Economic and Trading Co., Ltd. - Baogang Zhan Bo International Trade Limited. - Chengdu Baogang Southwest Steel Sales Co., Ltd. - Tianjin Baogang North China Steel Sales Co., Ltd. - Shaanxi Baogang Northwest Steel Sales Co., Ltd. - Qingdao Baogang Central China Steel Sales Co., Ltd. - Shanghai Gangjia Rare Earth Technology Co., Ltd. - Inner Mongolia Baotou Steel Union Co., Ltd. Spot Sales Center	27,83%
4	Hebei Zongheng Group Fengnan Iron & Steel Co., Ltd Cangzhou Zhongtie Iron & Steel Co., Ltd	- Tangshan Zhicheng Ecommerce Co., Ltd - Tianjin Binhai Aoyuan International Trade Co., Ltd - Majestic Rock Resources Group Pte. Ltd. - Hebei Sinogiant Steel Holdings Group Co., Ltd - Zhejiang Hongcheng New Energy Co., Ltd	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
		- Xin Lian Ye (Beijing) International Trade Co., Ltd - Sinogiant Steel Holdings Group Limited - Hebei Zhongzhong Cold Rolling Materials Co., Ltd - Cangzhou Kaineng Transportation Service Co., Ltd - Shanghai Chetong Trading Co., Ltd - Xu Zhou Zhong An Mining Service Co., Ltd	
5	Guangxi Liuzhou Iron and Steel Group Company Limited Liuzhou Iron & Steel Co., Ltd Guangzi Iron and Steel Group Co., Ltd	- Guangdong Liugang Logistics Trading Co., Ltd - Guangxi Liuzhou Cenhai Metal Material Co., Ltd - Guangxi Nanning Liugang Steel Sales Co., Ltd - Guilin Liugang Steel Sales Co., Ltd - Guangxi Liuzhou Iron & Steel Group Company Limited Guangdong Branch	19,38%
6	Shougang Jingtang United Iron & Steel Co., Ltd Shougang Qian'an Iron & Steel Company	- China Shougang International Trade & Engineering Corporation - Shougang Holding Trade (Hong Kong) Limited	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
		- Wuhan Shougang Steel Trading Co., Ltd - Tianjin Shougang Steel Trade Co., Ltd - Shandong Shougang Steel Trade Co., Ltd - Guangzhou Shougang Steel Trading Co., Ltd - Shanghai Shougang Steel Trade Co., Ltd	
7	Jingye Iron and Steel Co., Ltd	- Jingye International (HK) Company Limited - Power Rich Resources Limited	27,83%
8	Baohua New Materials Co., Ltd Rizhao Steel Holding Group Co., Ltd.	- Baohua Steel International Pte. Limited	27,83%
9	Maanshan Iron & Steel Co., Ltd	- Maanshan Masteel Cihu Steel Processing And Distribution Co., Ltd. - Maanshan Iron & Steel (Shanghai) Steel Sales Co., Ltd. - Masteel (Hefei) Materials Technology Co., Ltd. - Masteel (Wuhu) Materials Technology Co., Ltd.	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
		- Maanshan Masteel Cihu Steel Processing And Distribution Co., Ltd. Changzhou Branch - Masteel (Yangzhou) Steel Processing Co., Ltd. - Nanjing Masteel Steel Sales Co., Ltd. - Masteel (Hangzhou) Steel Sales Co., Ltd. - Masteel (Wuhan) Materials Technology Co., Ltd. - Masteel (Hefei) Steel Processing Co., Ltd. - Masteel (Hong Kong) Co.,Ltd. - Cumic Steel Limited - Dao Fortune (Hong Kong) Co., Limited - Wuchan Zhongda Fortune Link International Co., Ltd - Ningbo Bedrock Singapore Pte Ltd. - Lianfeng International Pte. Ltd - King Metore International Pte. Ltd. - Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Co., Ltd. - Singapore (Cogeneration) Steel Pte Ltd.	

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
10	HBIS Laoting Iron and Steel Co., Ltd.	- HBIS Company Limited Tangshan Branch - Tangshan Iron and Steel Group Co., Ltd. - Duferco Asia Pte. Ltd.	27,83%
11	Hebei Yanshan Iron and Steel Group Co., Ltd	- Beijing Yanshan Iron & Steel Co., Ltd - Wider Vantage International Limited - Sheng Feng (Hong Kong) Co., Limited - Ye-Steel Trading Co., Limited	26,94%
12	Chongqing Iron And Steel Co., Ltd		27,83%
13	Bengang Steel Plates Co., Ltd	- Benxi Iron And Steel (Group) International Economic and Trading Co., Ltd - Benxi Iron & Steel Hong Kong Limited - Arsen International (HK) Limited - Sharpmax International (Hongkong) Co., Limited - North Hengda Logistics Co., Ltd - Shenyang Bengang Metallurgical Technology Co., Ltd	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
		- Tianjin Bengang Steel Trading Co., Ltd - Shanghai Bengang Metallurgical Technology Co., Ltd - Yantai Bengang Steel Sales Co., Ltd	
14	Xinyu Iron & Steel Co., Ltd	- G Steel Enterprise Pte. Ltd.	27,83%
15	Angang Steel Co., Ltd.	- Angang Group International Trade Corporation - Angang Group Hong Kong Co., Limited - Dalian Woo-Ho Hongkong International Trading Limited - Cumic Steel Limited Commondity Hong Kong Company Limited - Shenyang Angang International Trade Co., Ltd. - Shanghai Angang International Trade Co., Ltd. - Guangzhou Ansteel International Trade Co., Ltd	27,83%
	Ansteel Group Chaoyang Steel & Iron Co., Ltd.		
16	Jiangsu Shagang Steel Co., Ltd	- Jiangsu Shagang International Trade Co., Ltd - Jiangsu Shagang Material Trade Co., Ltd - Shagang International (Singapore) Pte. Ltd	27,83%
	Jiangsu Shagang Group Co., Ltd		

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
		- Zhangjiagang Free Trade Zone Binpeng Trading Co., Ltd	
17	Baoshan Iron & Steel Co.,Ltd. Shanghai Meishan Iron & Steel Co.,Ltd. Wuhan Iron & Steel Co.,Ltd. Baosteel Zhanjiang Iron & Steel Co.,Ltd.	- Guangzhou Baosteel Southern Trading Co., Ltd. - Wuhan Baosteel Huazhong Trading Co., Ltd - Shanghai Baosteel Steel Trading Co., Ltd - Shanghai Baosteel Pudong International Trading Co., Ltd. - Shanghai Ouyeel Supply Chain Co., Ltd. - Baosteel Singapore Pte Ltd	27,83%
18	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		27,83%

3. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG tạm thời

a) Hiệu lực

Thuế CBPG tạm thời có hiệu lực sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG tạm thời được ban hành.

b) Thời hạn áp dụng

Thuế CBPG tạm thời có thời hạn áp dụng là 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày có hiệu lực (*trừ trường hợp được gia hạn, thay đổi, hủy bỏ theo quy định pháp luật*).

4. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG tạm thời

Để có cơ sở xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len;

- Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN; hoặc

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG tạm thời là 27,83%.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG tạm thời.

- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản chính) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 2 của Thông báo này thì nộp thuế CBPG tạm thời là 27,83%.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận trùng với tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 2 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 hoặc trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 2 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 2 hoặc không trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 2 thì nộp thuế CBPG tạm thời là 27,83%.

5. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Sau khi Bộ Công Thương ban hành Quyết định áp dụng thuế CBPG tạm thời, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành các bước triển khai tiếp theo, cụ thể như sau:

- Thẩm tra nội dung bản trả lời câu hỏi điều tra;

- Tổ chức phiên tham vấn công khai;

- Gửi dự thảo kết luận điều tra cuối cùng cho bên liên quan để lấy ý kiến;

- Ban hành Kết luận điều tra cuối cùng.